

Hải Dương, ngày 23 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học
theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-BYT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN - BGDDT ngày 15/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ” tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Khảo thí & đảm bảo chất lượng đào tạo, Tổ chức cán bộ, Quản lý KHCN & HTQT, Tài chính kế toán, Hành chính quản trị, Vật tư – Trang thiết bị, Công tác quản lý sinh viên, Công nghệ thông tin, Trưởng các Khoa, Bộ môn, các giảng viên và sinh viên của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QLĐT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

Đinh Thị Diệu Hằng

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số 368/QĐ- ĐHKTYTHD
ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ở trình độ đại học và thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình được các khoa, bộ môn của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình khung gồm cơ cấu nội dung các học phần, thời gian đào tạo, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, thực tập lâm sàng. Chương trình đào tạo gồm hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương ban hành các chương trình để triển khai thực hiện trong trường, với khối lượng của các chương trình (chưa tính học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng), tùy theo từng ngành với tổng số tín chỉ như sau:

Hệ chính quy: Chương trình đào tạo Y khoa trình độ đại học (6 năm): 215 - 225 tín chỉ; Chương trình đào tạo Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Điều dưỡng, Phục hồi chức năng trình độ đại học (4 năm): 135 - 140 tín chỉ.

Chương trình đào tạo được cập nhật, đánh giá theo quy định hiện hành.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 5 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học được thiết kế và kết cấu riêng như một phần của học phần hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều học phần. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

Ngoài việc phân loại là học phần bắt buộc hoặc tự chọn, các học phần có các khái niệm khác nhau như sau:

- Học phần chung (Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục Thể chất, các học phần lý luận chính trị ...) là các học phần được giảng dạy chung cho tất cả các ngành theo quy định.

- Học phần tiên quyết:

+ Đối với học phần tiếng Anh: một học phần là tiên quyết đối với học phần A là học phần mà sinh viên phải học và thi đạt mới được theo học phần A.

+ Đối với các học phần khác: một học phần là tiên quyết đối với học phần A là học phần mà sinh viên phải học xong (có thể chưa đạt yêu cầu) mới được theo học phần A.

- Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.

- Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần đã được thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy trong chương trình.

- Học phần tương đương: một học phần được gọi là tương đương với học phần A khi có nội dung kiến thức và thời lượng đáp ứng yêu cầu cơ bản của học phần A.

Các học phần được gọi là tích lũy khi điểm đánh giá học phần đạt từ 5,0 điểm trở lên.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 giờ thực tập tại cơ sở; 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, ngoài số tiết học trên lớp sinh viên còn cần được giao thêm các công việc cá nhân để đảm bảo mỗi tín chỉ phải tương ứng với ít nhất 45 tiết hoặc giờ làm việc.

4. Trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp, Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn đề nghị số tiết, số giờ đối với từng học phần cụ thể, Hiệu trưởng quyết định số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần, được thể hiện trong Đề cương chi tiết học phần.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy hàng ngày của trường được thực hiện theo 3 ca (sáng - chiều - tối), từ thứ Hai đến thứ Bảy hàng tuần, thời gian cụ thể được quy định theo mùa. Thời gian giảng dạy lâm sàng, thực tập tại cơ sở y tế tính theo thời gian hoạt động của các bệnh viện, cơ sở y tế.

Thời khóa biểu của từng lớp được xây dựng theo học kỳ và được ghi trong Sổ tay sinh viên và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Trường. Phòng Quản lý Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm chữ A, B, C, D, tính từ đầu khóa học. Tổng số tín chỉ của những học phần bị điểm dưới 5 (hoặc thang điểm chữ: F) tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc bằng thang điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điều 6. Hệ thống cố vấn học tập

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hệ thống cố vấn học tập của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương để đảm bảo công tác quản lý và tư vấn cho tất cả sinh viên trong trường.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tuỳ thuộc chương trình, khoá học tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ đại học Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Điều dưỡng, Phục hồi chức năng được thực hiện 04 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông.

- Đào tạo trình độ đại học ngành Y khoa được thực hiện 06 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học hè để sinh viên có điều kiện được học lại; học cải thiện hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình không được vượt quá 1,5 lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó:

Ngành Y khoa không vượt quá 09 năm; Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Điều dưỡng, Kỹ thuật Phục hồi chức năng trình độ đại học không vượt quá 06 năm

Quá thời gian tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên của Trường.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 8. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và do phòng Công tác quản lý sinh viên quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Quản lý Đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho sinh viên:

a) Thẻ sinh viên; mã sinh viên

b) Phiếu đăng ký học tập;

c) Phiếu nhận cổ vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo (trong cuốn thông tin đào tạo của khóa học), nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 9. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những ngành xác định điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh, thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Căn cứ vào số học phần bắt buộc có trong mỗi chương trình, phòng Quản lý đào tạo phối hợp với phòng Công tác quản lý sinh viên sắp xếp sinh viên trúng tuyển vào các lớp học ổn định, cố vấn học tập tư vấn, hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập tại các lớp độc lập.

Điều 10. Tổ chức lớp học

Lớp học của sinh viên được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp học ổn định được tổ chức theo tiến trình đào tạo ở mỗi học kỳ
- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học được quy định như sau: 40 sinh viên đối với các học phần giáo dục đại cương (các học phần chung và cơ sở khối ngành); 30 sinh viên đối với học phần cơ sở ngành, bổ trợ, học phần tin học, tiếng Anh; 15 sinh viên đối với học phần thực hành và học phần chuyên ngành. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên có thể đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Trong trường hợp đặc biệt, Hiệu trưởng sẽ quyết định.

Điều 11. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, Phòng Quản lý Đào tạo phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết học phần, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất 2 tuần, Nhà trường công bố Sổ tay sinh viên, trong đó quy định thời khóa biểu của các lớp ổn định và các lớp độc lập theo từng học phần riêng biệt. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Quản lý đào tạo qua cổng thông tin điện tử của Trường. Trừ trường hợp đặc biệt được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học ổn định của mình.

Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ hè cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp hoặc học lại.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ hè.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng Quản lý đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng Quản lý đào tạo của trường lưu giữ.

Điều 12. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá 4 tuần; sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ (kỳ hè), nhưng không muộn quá 2 tuần. Ngoài thời hạn quy định trên, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Quản lý Đào tạo;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 11 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng Quản lý đào tạo.

Điều 13. Đăng ký học lại/ học cải thiện điểm

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm dưới 5 (hoặc điểm F), phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm 5 trở lên (hoặc điểm A, B, C hoặc D).

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm dưới 5 (hoặc điểm F) phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1, 2 của Điều này; Sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy theo quy định của Nhà trường (quy định tại quy chế học lại và học cải thiện điểm của Trường).

Điều 14. Nghỉ ốm, hoãn thi

1. Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép có xác nhận của cố vấn học tập và gửi trường khoa/bộ môn trong vòng 1 tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện. Sinh viên nghỉ vì lý do khác phải có xác nhận lý do chính đáng.

2. Sinh viên đủ điều kiện dự thi và có lý do chính đáng không thể tham dự thi kết thúc học phần được quyền hoãn thi. Đơn xin hoãn thi phải được gửi trường khoa/trường bộ môn trước ngày thi 3 ngày. Trường hợp đặc biệt không thể gửi đơn đúng hạn nêu trên, sinh viên gửi đơn hoãn thi tới trường khoa/trường bộ môn trong thời gian 3 ngày kể từ ngày thi.

Sinh viên được hoãn thi phải dự thi ngay trong kỳ thi kế tiếp.

Điều 15. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên chính quy được xếp hạng năm đào tạo như sau:

a) Sinh viên năm thứ nhất:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 40 tín chỉ;
b) Sinh viên năm thứ hai:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 40 tín chỉ đến dưới 80 tín chỉ;
c) Sinh viên năm thứ ba:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 80 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;
d) Sinh viên năm thứ tư:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ;
đ) Sinh viên năm thứ năm:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 150 tín chỉ đến dưới 190 tín chỉ;
e) Sinh viên năm thứ sáu:	Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 190 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ **5,00** trở lên.

b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt **dưới 5,00**, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ hè được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ hè để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 16. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 17 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất 01 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hoặc năm học mới.

Điều 17. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình.

Sau mỗi học kỳ, sinh viên (trừ học kỳ sinh viên được phép nghỉ học tạm thời theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này) bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 3,00 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 3,50 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 4,00 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 4,50 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 2,50 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm dưới 5 (hoặc điểm F) còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Số lần cảnh báo kết quả học tập không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp hoặc vượt quá 3 lần/khoá đào tạo 3 - 4 năm hoặc vượt quá 4 lần/khoá đào tạo 6 năm.

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

d) Tự ý bỏ học quá thời gian quy định (theo quy định về quản lý sinh viên).

e) Sinh viên không đăng ký tín chỉ 02 kỳ liên tiếp, không có đơn xin gia hạn sẽ bị buộc thôi học.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 18. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên thuộc diện xếp hạng học lực bình thường;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ của chương trình thứ nhất đạt dưới 6,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 19. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 20. Đánh giá học phần

1. Đánh giá học phần lý thuyết, học phần có cả lý thuyết và thực hành

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi là điểm học phần) là tổng hợp các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thi giữa học phần và điểm thi kết thúc học phần (Tất cả các điểm thành phần, điểm thi giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần, và điểm học phần (TBCHP) được làm tròn đến một (01) chữ số thập phân).

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần (làm tròn đến một (01) chữ số thập phân)	- Đủ thời gian, đúng giờ, ý thức tự giác. - Làm đủ bài tập, báo cáo học tập... nộp theo quy định. - Tôn trọng giảng viên, cán bộ - Đoàn kết, hợp tác giúp bạn trong học tập.	5%
2	Điểm thường xuyên, điểm thi giữa học phần (làm tròn đến một (01) chữ số thập phân)	Đủ các điểm theo đề cương chi tiết học phần	25 %
3	Điểm thi kết thúc (làm tròn đến một (01) chữ số thập phân)	- Điểm thi kết thúc bài thi lý thuyết (với các học phần chỉ có lý thuyết) - Tổ hợp điểm thi của bài thi thực hành và lý thuyết (với các học phần có cả thực hành và lý thuyết)	70 %

Đối với học phần lý thuyết: Học phần có 1 - 2 tín chỉ: có 1 điểm thường xuyên; Học phần có từ 3 - 5 tín chỉ: 1 điểm thường xuyên và 1 điểm thi giữa học phần.

Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành: số điểm thường xuyên căn cứ vào số tín chỉ của từng phần; mỗi học phần có ít nhất 01 điểm thường xuyên lý thuyết và 01 điểm thường xuyên thực hành.

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Những sinh viên không tham gia đủ các bài thực hành thì không được thi lý thuyết, sinh viên phải tự liên hệ với bộ môn để được thực tập bù. Số điểm thường xuyên căn cứ vào số tín chỉ của học phần, mỗi học phần có ít nhất 01 điểm thường xuyên.

- Đối với học phần có cả Lý thuyết và Thực hành:

Điểm Thực hành là điểm điều kiện, sinh viên phải có điểm thi TH $\geq 5,0$ ($\geq 6,0$ đối với học phần chuyên ngành) mới được thi Lý thuyết.

2. Đánh giá học phần lâm sàng:

a) Học phần thực hành lâm sàng (tại các bệnh viện): Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi học lâm sàng.

b) Điều kiện thi kết thúc học phần lâm sàng:

- Trước khi kết thúc đợt học lâm sàng, căn cứ vào thái độ học tập của sinh viên trong quá trình học tập lâm sàng, trực, thực hiện đầy đủ các bài tập được giao, giáo vụ khoa lâm sàng lập danh sách sinh viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần thực tập lâm sàng gửi về Khoa/ bộ môn và Phòng Quản lý Đào tạo.

- Sinh viên sẽ không được dự thi kết thúc và phải học lại học phần lâm sàng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

(1) Ý thức học tập kém, không chấp hành các quy định học lâm sàng (có đề nghị của giảng viên lâm sàng);

(2) Nghỉ trực lâm sàng không lý do;

(3) Sinh viên nghỉ học quá thời gian quy định: quá 1 buổi đối với thời gian thực tập từ 3 - 4 tuần/vòng lâm sàng; quá 2 buổi đối với thời gian thực tập trên 4 tuần đến 8 tuần/vòng lâm sàng; quá 3 buổi đối với thời gian thực tập trên 8 tuần/vòng lâm sàng;

(4) Không hoàn thành chỉ tiêu lâm sàng bắt buộc, không hoàn thành các nhiệm vụ giảng viên lâm sàng giao hàng tuần.

c) Đối với sinh viên nghỉ học lâm sàng sẽ phải học bù đủ số buổi nghỉ lâm sàng và đóng phí học bù theo quy định mới được dự thi hết học phần. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

d) Nghỉ trực có lý do phải đổi trực cho sinh viên khác; Sinh viên đổi trực phải được sự đồng ý của giảng viên và thông báo cho Khoa đang thực tập.

e) Điểm học phần thực tập lâm sàng gồm các điểm thành phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần (làm tròn đến một (01) chữ số thập phân)	- Đủ thời gian (học, trực), đúng giờ, ý thức tự giác, chấp hành nghiêm túc sự phân công. - Làm đủ bài tập, báo cáo học tập... nộp theo quy định. - Tôn trọng giảng viên, cán bộ, nhân viên y tế, người bệnh và gia đình người bệnh. - Thể hiện giao tiếp phù hợp trong từng tình huống/ hoàn cảnh cụ thể. - Đoàn kết, hợp tác giúp bạn trong học tập.	5%
2	Điểm chỉ tiêu tay nghề, điểm thường xuyên (làm tròn đến một (01) chữ số thập phân)	- Đủ các chỉ tiêu: sinh viên ghi trong sổ lâm sàng, có xác nhận của cán bộ hướng dẫn thực hiện kỹ thuật. - Kiểm tra thường xuyên trong quá trình học lâm sàng	25 %
3	Điểm thi kết thúc (làm tròn đến một (01) chữ số thập phân)	- Thực hiện kỹ thuật, thủ thuật - Lập 01 bệnh án (đối với các ngành khác) hoặc kế hoạch chăm sóc (đối với điều dưỡng) - Trả lời câu hỏi theo yêu cầu	70 %

* Đối với sinh viên đã được triển khai học tập theo năng lực sẽ được đánh giá theo mẫu phiếu đánh giá năng lực.

Trường hợp thi lâm sàng chưa đạt, sinh viên được thi lại lâm sàng 01 lần, nếu vẫn chưa đạt, phải học lại lâm sàng 1 tuần đối với học phần có < 3 tín chỉ, hoặc 2 tuần với học phần ≥ 3 tín chỉ.

3. Học phần thực hành tại cộng đồng:

Căn cứ vào kế hoạch thực tập cộng đồng của từng khóa học, khoa /bộ môn đề xuất hình thức đánh giá học phần và trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi đưa sinh viên đi thực tập ít nhất 2 tuần.

4. Cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần phải được quy định trong đề cương chi tiết học phần. Những học phần có cách đánh giá học phần khác với quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 của điều này phải trình Hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực hiện.

5. Điểm của học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

Điều 21. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính có lý do chính đáng và được sự cho phép của trường phòng QLĐT;

- Đối với học phần có cả Lý thuyết (LT) và Thực hành (TH): Điểm TH là điểm điều kiện, sinh viên phải có điểm thi TH $\geq 5,0$ ($\geq 6,0$ đối với học phần chuyên ngành) mới được thi LT;

- Kỳ thi phụ được tổ chức ngay sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 22. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Ra đề thi: Bộ đề thi do Trưởng khoa/Bộ môn (hoặc phân công cho chính giảng viên dạy học phần đó) chuẩn bị, hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Bộ đề thi, đáp án và thang điểm phải được Trưởng khoa/Bộ môn duyệt. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận, phối hợp), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên và phải thông báo cho sinh viên ngay từ đầu học phần. Trưởng khoa/ bộ môn căn cứ vào tính chất học phần và điều kiện cụ thể đề xuất hình thức thi thích hợp cho từng học phần để Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không

thống nhất được điểm chấm thi phải lập biên bản trình Trường khoa/ bộ môn quyết định và công bố cho sinh viên biết điểm chậm nhất không quá 1 ngày sau đó.

Bảng điểm tổng kết học phần sau khi đã công bố điểm thi trên phần mềm quản lý điểm được in thành 03 bản, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi, trưởng khoa/bộ môn. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng Quản lý Đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã bỏ thi, phải nhận điểm 0.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, làm đơn theo mẫu và được dự thi ở kỳ thi phụ, điểm thi trong kỳ thi phụ đó được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 23. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Thang điểm chữ chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại đánh giá.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần cũng tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

a) Loại đạt:

9 đến 10	Xuất sắc
Từ 8 đến cận 9	Giỏi
Từ 7 đến cận 8	Khá
Từ 6 đến cận 7	Trung bình khá
Từ 5 đến cận 6	Trung bình

b) Loại không đạt

Từ 4 đến cận 5	Yếu
Dưới 4	Kém

Nếu chuyển thành điểm chữ, có kết quả như sau:

a) Loại đạt	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B ⁺ (8,0 - 8,4); B (7 - 7,9)	Khá
	C ⁺ (6,5 - 6,9); C (5,5 - 6,4)	Trung bình
	D ⁺ (5,0 - 5,4); D (4,0 - 4,9)	Trung bình yếu

b) Loại không đạt F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

- I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.
- X Chưa nhận được kết quả thi.

3. Việc xếp loại các mức điểm số từ 0 đến 10 hoặc mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ điểm I (chưa đủ dữ liệu đánh giá), sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X (chưa nhận được kết quả thi).

4. Việc xếp loại ở mức điểm dưới 5 (hoặc mức điểm F) ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm 0.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn: nếu không thể dự kiểm tra phải được Trưởng khoa hoặc Trưởng Bộ môn trực thuộc trường cho phép; nếu không thể dự thi phải được Trưởng phòng Quản lý đào tạo cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận vì lý do khách quan được Trưởng khoa hoặc Trưởng bộ môn trực thuộc trường chấp thuận; sinh viên không thể dự thi vì lý do khách quan được Trưởng phòng Quản lý đào tạo chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển thành điểm số. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng QL Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa/ bộ môn chuyển lên. Điểm này cần phải được chuyển thành điểm số trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 24. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung của các học phần tính từ đầu khóa học, điểm trung bình chung toàn khóa học (điểm trung bình chung tích lũy) được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 25. Thực tập cuối khóa, làm khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khoá, sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Khoá luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đại học đạt yêu cầu quy định của trường.

Khoá luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng 12 tín chỉ cho trình độ đại học (6 năm); 8 tín chỉ cho trình độ đại học (4 năm).

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không làm khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:

a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm khoá luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm khoá luận tốt nghiệp;

c) Hình thức chấm khoá luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm khoá luận tốt nghiệp.

Điều 26. Đánh giá khoá luận tốt nghiệp

1. Tùy theo từng chương trình, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10, làm tròn theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 23 của Quy chế này. Điểm khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có khoá luận tốt nghiệp bị điểm dưới 5,0, phải đăng ký làm lại khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên học phần thêm tương đương với số tín chỉ của khoá luận tốt nghiệp

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập, không nợ học phí và sách thư viện;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại điều 2 của Quy chế này; không có học phần bị điểm dưới 5;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 5,00 trở lên;

d) Điểm của các học phần thuộc ngành đào tạo chính được quy định trong chương trình phải đạt từ 6,0 trở lên (được thông báo từ đầu khoá học).

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất;

e) Có chứng chỉ chuẩn đầu ra ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định của nhà trường

f) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

g) Sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ so với thời gian thiết kế của khóa học nhưng vẫn muốn tiếp tục học để nâng điểm trung bình chung tích lũy thì phải làm đơn xin hoãn công nhận tốt nghiệp, nộp cho phòng Quản lý đào tạo trong thời gian quy định.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Quản lý đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng Công tác quản lý sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9,00 đến 10;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8,00 đến 8,99;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7,00 đến 7,99;
- d) Loại trung bình khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 6,00 đến 6,99
- đ) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,00 đến 5,99.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
- b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần và ghi chuyên ngành đào tạo.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Quy chế này.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế Thi/kiểm tra, Quy chế tuyển sinh đại học.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Định kỳ nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và điều chỉnh chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường. Mọi sự thay đổi phải được Hiệu trưởng quyết định, thông báo bằng văn bản tới các đơn vị và công bố công khai trên cổng thông tin của Trường.

2. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ. Trong quá trình tổ chức thực hiện có điều gì vướng mắc, các đơn vị và cá nhân liên quan phản ánh trực tiếp với lãnh đạo Trường để xử lý kịp thời.

HIỆU TRƯỞNG



Đinh Thị Diệu Hằng